

Số 54 /TB-ĐHKTCN

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 9 năm 2017

THÔNG BÁO
Về việc thi TOEFL - ITP ngày 17 tháng 9 năm 2017

Nhằm đáp ứng nhu cầu kiểm tra trình độ tiếng Anh của giảng viên, sinh viên trong và ngoài trường, Nhà trường tiếp tục phối hợp với Công ty CP IIG Việt Nam (Đại diện của Viện khảo thí Hoa Kỳ) tổ chức đợt thi TOEFL - ITP tại trường. Nhà trường thông báo kế hoạch thi chính thức như sau:

1. Thời gian thi: Ngày 17 tháng 9 năm 2017.

Ca sáng: Từ 8h30 đến 11h30

Ca chiều: Từ 13h30 đến 16h30

2. Danh sách dự thi, Địa điểm tổ chức thi : đính kèm thông báo này.

3. Những thủ tục cần thiết mang theo vào phòng thi:

- Chứng minh thư hoặc hộ chiếu bản gốc (còn hạn, nguyên vẹn, không ép dẻo).
- Liên 2 có dán ảnh của thí sinh.

4. Báo kết quả:

- Thông báo kết quả: 07 ngày sau khi thi kết quả được đăng tải trên Website: itc.tnut.edu.vn.

- Phát chứng chỉ: 12 ngày (làm việc) sau khi thi phát tại Showroom Trung tâm Hợp tác đào tạo Quốc tế trong giờ hành chính (đề nghị mang theo CMND).

Đề nghị các thí sinh có mặt đúng giờ và chấp hành tốt nội quy của phòng thi.

Trân trọng cảm ơn./.

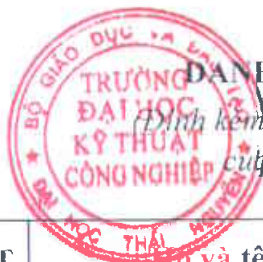
Nơi nhận:

- Bộ phận Webtise (để tb);
- Lưu VT, HTĐTQT

TL. HIỆU TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM HTĐTQT



TSH Nguyễn Tuấn Minh

**DANH SÁCH PHÒNG THI TOEFL-ITP NGÀY 17/9/2017**

(Đính kèm Thông báo số: 54/TB-ĐHKTCN ngày 17 tháng 9 năm 2017
của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)

STT (No.)	Họ và tên Full Name	Ngày sinh Birthday	Mã nhân viên/sinh viên Code	Vị trí công tác/Lớp Position	Phòng thi	Giờ thi
1	Nguyễn Tuấn Anh	05/11/1995	K135520103150	K49CCM.02	201	8:30
2	Nguyễn Tú Anh	20/08/1996	K145520114073	K50CĐT.02	201	13:30
3	Nguyễn Văn Bắc	20/10/1993	K135520201197	K49KTĐ.03	201	8:30
4	Tân Kim Bình	19/06/1995	K135520201196	K49KTĐ.03	201	8:30
5	Nguyễn Văn Chiêu	22/08/1996	K145520320013	K50KTM.01	201	8:30
6	Nguyễn Công Chuyên	03/06/1993	DTK1151020417	K47HTĐ.01	201	13:30
7	Ngô Văn Cường	02/10/1996	K145520216142	K50TĐH.03	201	8:30
8	Vương Mạnh Cường	01/05/1993	DTK1151010494	K1CNKTO.01	202	13:30
9	Vũ Tuấn Đạt	10/07/1995			201	8:30
10	Hoàng tiền Đạt	20/03/1992			201	8:30
11	Nguyễn Đăng Đạt	11/11/1994	K125520216003	K49DDK.01	201	8:30
12	Nguyễn Đức Điền	27/07/1995	K135520216184	K49TĐH.04	201	8:30
13	Diệp Anh Đức	13/06/1991	DTK1051020017	K47HTĐ.01	201	13:30
14	Nguyễn Ngọc Dũng	16/06/1996	K145520201179	K50KTĐ.01	201	8:30
15	Mã Trung Dũng	29/09/1995	K135140214031	K49SCK.01	201	8:30
16	Trịnh Ngọc Dũng	11/09/1994	K135140214087	K49SCK.01	201	8:30
17	Lê Văn Dũng	04/09/1993	DTK1151040132	K47KXC.02	201	13:30
18	Nguyễn Tiến Dũng	21/06/1994	K125520103459	K48KCK.01	201	13:30
19	Vũ Ngọc Duy	02/09/1993	DTK1151020421	K47TĐ.01	201	13:30
20	Nguyễn văn Giang	07/08/1992	DTK1051020266	K46KTĐ.01	201	13:30
21	Trần Thị Hải	18/10/1995	K135520201085	K49KTĐ.02	201	8:30
22	Lưu Thị Hào	18/05/1996	K145510604014	K50KTN.01	201	8:30
23	Dương Vă Hậu	01/07/1992	DTK1051010347	K46CCM.03	201	13:30
24	Bùi Thị Thu hiền	09/07/1995	K135140214018	K49SKC.01	201	8:30
25	Laăng Thị Hiền	16/06/1993	K145520207016	K50KĐT.01	201	13:30
26	Trần Thị Hiền	03/01/1994			201	13:30
27	Vũ Trung Hiếu	05/05/1995	K135520216020	K49TĐH.01	201	8:30
28	Phạm Thị Hoa	24/02/1996	K145510604049	K50KTN.01	201	13:30
29	ĐINH CÔNG HOÀNG	03/07/1997	K155905218011	K51AP	201	8:30
30	Lê Huy Hoàng	29/09/1994	K135520103178	K49CCM.02	201	13:30
31	Nguyễn Văn Hội	08/01/1995	K135520103174	K49CDL.01	201	13:30
32	Đặng Thị Mai Huê	18/11/1994			201	13:30
33	Tạ Thị Huệ	05/07/1995	K135140214008	K49SKĐ.01	201	8:30
34	Đỗ mạnh Hùng	20/04/1994	K135520216313	K49TĐH.04	201	13:30
35	Phan Thanh Hưng	12/02/1995	K135520216147	K49TĐH.03	201	13:30
36	Cam Thị Hương	12/04/1994	K135520207059	K49KĐT.01	201	8:30
37	Nguyễn Thê Huy	24/10/1995	K135520103248	K49KTK.01	201	13:30
38	Nguyễn Quốc Huy	01/10/1995	K135520216083	K49TĐH.02	201	13:30
39	Nguyễn Thị Huyền	04/10/1995	K135520320035	K49KTM.01	201	8:30
40	Hoàng Thanh huyền	22/06/1995	K135520216152	K49TĐH.03	201	13:30
41	La văn Khang	04/07/1995	K135520103195	K49CCM.01	201	8:30

42	Nguyễn Quang	Khanh	04/06/1994	K145520114122	K50CĐT.02	201	13:30
43	Nguyễn văn	Kiểm	30/11/1991			201	13:30
44	Nguyễn thanh	Liêm	23/04/1994	K125520216038	K48TĐH.01	201	13:30
45	Nguyễn Thùy	Linh	28/07/1996	K145520201039	K50HTĐ.01	201	8:30
46	Nghiêm Hồng	Linh	24/12/1996	K145510604026	K50KTN.01	201	8:30
47	Ngô Văn	Long	23/06/1995	K135520103484	K49CCM.04	201	13:30
48	Nguyễn Đình	Lực	25/10/1995	K135520103035	K49CCM.01	202	13:30
49	Lê Thị	Lương	08/03/1991			202	13:30
50	Bùi Hoàng	Mai	01/12/1994	K125140214014	K49SKĐ.01	201	8:30
51	Dương Đức	Mạnh	17/03/1996	K145510601013	K50QLC.01	202	8:30
52	Nguyễn Văn	Minh	26/07/1992	DTK1051020124	K46HTĐ.01	202	13:30
53	Cao Xuân	Nam	10/10/1995	K135520103039	K49KGT.01	202	8:30
54	Nguyễn Trường	Nam	03/09/1995	K145520103192	K50CCM.03	202	8:30
55	Vũ Hoài	Nam	15/04/1995	K135520216094	K49TĐH.02	202	13:30
56	Ngô Tuấn	Nghĩa	25/03/1995	K135520207030	K49ĐVT.01	202	8:30
57	Lê Thị	Ngọc	11/12/1996	K145580201040	K50KXC.01	202	8:30
58	Phan Văn	Nhật	05/11/1994	K135580201149	K49KXC.01	202	13:30
59	Nguyễn Thị	Nhung	25/08/1996	K145520201131	K50KTĐ.02	202	13:30
60	NGÔ QUANG	PHỤNG	14/09/1997	K155905218017	K51APM	202	8:30
61	Lê Thị	Quyên	23/11/1990			202	13:30
62	Trần	Son	02/03/1993	K135520103045	K49CCM.01	202	8:30
63	Nguyễn văn	Sự	04/02/1994	K135520103422	K49CCM.04	202	8:30
64	Quan Văn	tâm	27/01/1991	0971020011	K46KTĐ.01	202	13:30
65	Nguyễn Thị	Tâm	28/03/1996	K145520207086	K50DVT.01	202	13:30
66	Nguyễn Hữu	Thắng	08/04/1994	K125520201049	K49HTĐ.01	202	13:30
67	Lê Đình	Thành	07/10/1994	K125520216309	K48TĐH.01	202	13:30
68	Mã Trọng	Thành	10/09/1993			202	13:30
69	Phạm Thị Thanh	Thảo	07/05/1996	K145520216259	K50TĐH.03	202	8:30
70	Chu Văn	Thảo	23/08/1995	K135520207088	K49DVT.01	202	8:30
71	Nguyễn Phương	Thảo	12/05/1995	K135520207087	K49ĐVT.01	202	8:30
72	Nguyễn Văn	Thế	18/02/1995	K135140214065	K49SCK.01	202	8:30
73	Nguyễn Thị	Thị	11/04/1996			202	8:30
74	Hoàng Thị	Thiệt	23/09/1996			202	8:30
75	Nguyễn Đình	Thọ	18/04/1991	DTK1051020484	K47TBĐ.01	202	13:30
76	Nguyễn thị	Thủy	06/03/1995			202	8:30
77	Đào Văn	Tiền	30/03/1994	K135520201117	K49KTĐ.02	202	13:30
78	Đào Xuân	Trai	16/08/1995	K135520103064	K49KC.01	202	13:30
79	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	17/03/1995	K145520201076	K50HTĐ.01	202	8:30
80	Lã văn	Trung	09/05/1996			202	8:30
81	Dương Anh	Tuấn	13/11/1995			202	13:30
82	NGUYỄN THANI	TÙNG	15/10/1996	K145520207161		202	8:30
83	Vũ Duy	Tùng	23/04/1995	K135520216360	K49TĐH.03	202	13:30
84	Chu Văn	Tùng	13/04/1993	K135520214058	K49KMT.01	202	13:30
85	Dương Anh	Tuú	01/09/1996	K145520201227	K50APM	202	8:30
86	Nguyễn Văn	Tuyên	05/01/1995	K135520201126	K49KTĐ.02	202	8:30
87	Phạm Thu	Uyên	22/10/1996			202	8:30
88	Hà Thị Thúy	Vân	23/10/1988			202	13:30
89	Nguyễn Đình	Văn	28/10/1995	K135520103069	K49CCM.01	202	8:30
90	Dương Công	Vũ	07/01/1987			202	13:30



91	Nguyễn Thị Xoan	28/11/1993			202	8:30
92	NGUYỄN THẠNH XUÂN	12/08/1994	K135520103365	K49CCM.04	202	13:30
93	Nguyễn Thị Hải Yến	12/02/1993			202	8:30
94	Nguyễn Thị Hải Yến	02/03/1992		GV	202	13:30

Ấn định danh sách: 94 thí sinh./.

